TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÓC S** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-ST
Ngày: 28/02/2023.
V/v:Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC S – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Nguyễn Khắc Hải.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Trọng Phụ.**

Ông **Dương Văn Xuyên.**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà **Lê Thị Vân Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc S, TP. Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc S tham gia phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Thanh Thuỷ** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc S, TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 172/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-DS ngày 16/02/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Ông **Phạm Công K**- sinh năm 1966 và bà **Phạm Thị L**- sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Thôn Bối L, xã Cộng Hòa, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Bà**Nguyễn Thị X**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Thôn Thanh N, xã Thanh Xuân, huyện Sóc S, Tp Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị X: Luật sư Bùi Thị T và luật sư An Văn D thuộc văn phòng luật sư ATK- Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm1963.

Địa chỉ: 41b chợ Phú Cường, thôn Thuỵ Hương, xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Có mặt ông K, bà L, bà X, luật sư An Văn D và ông T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là là ông Phạm Công K và bà Phạm Thị L thống nhất trình bày:

Vào năm 2016 vợ chồng ông bà có làm ăn với bà X (buôn bán thóc gạo), bà X là người ở thôn Thanh Nhàn xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn. Do có nhu cầu vay vốn và qua làm ăn thì có sự tin tưởng nhau nên khi bà X hỏi vay, ông bà đã cho bà X vay nhiều lần và vay có lãi. ban đầu bà có trả lãi đầy đủ nhưng sau đó bà không trả được lãi, giữa hai bên đã viết lại giấy để bà X nhận số nợ tổng vào một giấy vào ngày 23/9/2020. Tổng số tiền bà X thừa nhận còn đang nợ vợ chồng ông K bà Lý là 850.000.000đ, về lãi thì giữa hai bên thoả thuận tính theo lãi ngân hàng là 1%/tháng tương đương với 8.500.000đ/tháng, bà X bảo tính lãi khoảng 10.000.000đ/tháng tuy nhiên cũng không trả đồng gốc và lãi nào. Trong giấy vay ngày 13/6/2016 có người làm chứng là ông Nguyễn Quốc T bà X có ghi cả tên chồng là ông Cao Văn S là người thừa kế. Theo giấy nhận nợ ngày 23/9/2020 thì bà X khất hẹn đến 30/12/2020 sẽ thanh toán đầy đủ tuy nhiên bà không trả đồng nào. Vợ chồng ông bà nhiều lần gặp cũng như gọi điện thì bà đều khất lần, trốn tránh, đến giờ quá hạn đã lâu nên buộc phải khởi kiện.

Về yêu cầu cụ thể để Toà án giải quyết có hai khoản là nợ lãi và nợ gốc:

Đối với khoản tiền nợ gốc 850.000.000đ: Khoản nợ gốc này bà X vẫn chưa trả, yêu cầu bà X phải trả đầy đủ.

Đối với khoản nợ lãi, ban đầu theo đơn khởi kiện ông bà yêu cầu tiền lãi là 255.000.000đ (lãi suất 1%/tháng x 30 tháng). Quá trình giải quyết ông bà đã thay đổi và xác định về lãi là 24 tháng và yêu cầu nhân theo lãi ngân hàng là 8.500.000đ. Tổng lãi là 204.000.000đ tính đến thời điểm hoà giải là ngày 29/12/2022. Ông bà không yêu cầu bà X phải tiếp tục chịu lãi trong thời gian từ ngày 29/12/2022 đến ngày xét xử.

Bà X thừa nhận toàn bộ các khoản nợ gồm gốc là 850.000.000đ và lãi tính đến 29/12/2022 là 204.000.000đ tuy nhiên bà đòi trả hàng tháng 3.000.000đ nên ông bà không đồng ý. Ông K bà L đề nghị Tòa án đưa ra xét xử bảo vệ quyền lợi cho ông bà theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Nguyễn Thị X trình bày:

Vào năm 2016 b□ có làm ăn với vợ chồng chị Lý ở Vụ Bản, Nam Định, chị Lý là đại lý cung cấp thóc gạo. Do có nhu cầu về vốn và qua làm ăn thì có sự tin tưởng nhau nên b□ có vay của vợ chồng ông K bà Lý nhiều lần tổng số tiền là 750.000.000đ, thời điểm bắt đầu vay là năm 2016. Khi vay có viết giấy tờ và chị Lý giữ cả, giữa hai bên thoả thuận là vay lãi ngày với mức lãi 1.000.000đ/triệu/ngày. B□ trả lãi theo mức đó đến ngày 23/9/2020 thì do chưa có tiền trả lãi nên theo yêu cầu của chị Lý, b□ có viết giấy hẹn nợ với số nợ là

850.000.000đ. Thực chất số nợ chỉ là 750.000.000đ nhưng viết thành 850.000.000đ là do chị Lý bảo cộng thêm 100.000.000đ lãi vào gốc, khi này chị Lý bảo không tính lãi ngày nữa mà tính theo lãi ngân hàng là 1%/tháng, tính lãi khoảng 10.000.000đ/tháng nên b□ đồng ý.Do b□ đang còn rất nhiều các khoản nợ chưa thu hồi được và không có tiền để thanh toán ngay nên đề nghị ông bà K Lý giãn nợ cho bà. Bà hoàn toàn thừa nhận nhưng do đang khó khăn về kinh tế nên mới phải đề nghị như vậy.

Về yêu cầu của ông K bà Lý đối với khoản tiền nợ gốc 850.000.000đ: Khoản nợ gốc này bà thừa nhận vẫn chưa trả. Đối với khoản nợ lãi mà ông bà yêu cầu tại buổi hoà giải là 204.000.000đ, tương ứng thời gian nợ là 24 tháng nhân với 1% lãi theo thoả thuận là 8.500.000đ/tháng thì bà nhất trí. Bà X xác định là việc vay mượn này không liên quan gì đến chồng cũng như các con, đây là việc vay mượn làm kinh tế riêng của bà.

Người làm chứng là ông Nguyễn Quốc T trình bày xác định có việc vay mượn giữa bà L và bà X, ông có đi cùng bà X và có ký làm chứng nhưng xác định không có liên quan đến việc vay mượn giữa hai bên, ông T xác định không biết bà L là ai, không vay tiền của bà Lý. Ông chỉ ký làm chứng duy nhất một lần đối với một khoản vay có giá trị 150.000.000đ còn việc cam kết trả nợ chỉ để tạo lòng tin cho các bên, ông không có nghĩa vụ trả nợ cho bà L.

Tại phiên tòa:

Tại phiên tòa ông K, bà L đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà X phải trả cho ông bà số tiền gốc là 850.000.000đ theo giấy nhận nợ ngày 23/9/2020 và số tiền lãi tính đến thời điểm hoà giải là 24 tháng là 204.000.000đ và yêu cầu phải thanh toán ngay để đảm bảo quyền lợi cho ông bà.

Về án phí: Đề nghị Tòa án tuyên buộc bà X phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Về khoản nợ gốc giữa hai bên, theo như hai bên thừa nhận bằng lời khai là đúng là 850.000.000đ; Về khoản nợ lãi,việc bà L ông K tính là đúng quy định tuy nhiên đề nghị nguyên đơn tạo điều kiện miễn giảm một nữa tiền lãi cho bà X với mức 102.000.000đ để bà X thu xếp trả nợ. Đối với ông Cao Văn S, Ông S là chồng bà X tuy nhiên khoản vay này Ông S không ký và bà X đã khẳng định là vay riêng để làm kinh tế, không liên quan đến chồng con nên không xác định Ông S có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơntham gia phiên tòa phát biểu:

**** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*** Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của BLTTDS như: Thẩm quyền thụ lý vụ án đúng quy định tại các Điều 28, 35, 36, 39 BLTTDS; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS; Việc xác minh, tiến hành thu thập chứng cứ, giao

nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 BLTTDS; Việc giao thông báo thụ lý cho VKS và cho đương sự các văn bản tố tụng đúng quy định tại Điều 175, 196 BLTTDS; Ngày 17/10/2022, Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và ra quyết định phân công thẩm phán, thư ký giải quyết vụ án là đúng quy định; Thẩm phán tiến hành lấy lời khai, xác minh, thông báo và Thẩm phán mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp và tiếp cận chứng cứ và hòa giải có thông báo trước về thời gian địa điểm và trình tự tiến hành thủ tục phiên họp đúng quy định tại các Điều 208, 209, 210, 211 BLTTDS.

**** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:***HĐXX, thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án như: Điều 234 về nội quy phiên tòa, Điều 237 về chuẩn bị khai mạc phiên tòa, Điều 239 về khai mạc phiên tòa, các Điều 243, 247, 248, 249, 250, 254 BLTTDS về hỏi đương sự, công bố tài liệu, chứng cứ của vụ án, kết thúc xét hỏi.

**** Về nội dung và căn cứ pháp luật áp dụng:****Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 146, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTPvà Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX:*

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Công K và bà Phạm Thị L: Buộc bà Nguyễn Thị X trả ông K, bà L số tiền: 1.054.000.000đ. Trong đó, nợ gốc là: 850.000.000 đồng, lãi từ 30/12/2020 đến tháng 12/2022: 204.000.000đ.

- Bà X tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc kể từ ngày 01/3/2023 đến khi thực hiện xong nhiệm vụ trả nợ cho vợ chồng ông K.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả vợ chồng ông K số tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Ngày 12/8/2022, Ông Phạm Công K và bà Phạm Thị L nộp đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị X về yêu cầu thanh toán nợ theo giấy hẹn nợ ngày 23/9/2020 nên quan hệ pháp luật trong vụ này là tranh chấp dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.Bị đơn trong vụ án là bà Nguyễn Thị X cư trú tại thôn Thanh N, xã Thanh Xuân, huyện Sóc S, thành phố Hà Nội. Do

bà Nguyễn Thị X vi phạm hợp đồng, không trả nợ đúng hạn theogiấy hẹn nợ mà các bên đã ký nênông K, bà L đã làm đơn khởi kiện bà X đến Tòa án nhân dân huyện Sóc S. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sóc S thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu.

[2]Về nội dung vụ án:

* Đối với yêu cầu thanh toán khoản nợ gốc: Giữa ông K bà L và bà X có quan hệ làm ăn buôn bán với nhau từ năm 2016, do tin tưởng nhau nên ông K bà L đã cho bà X vay nhiều lần và vay có lãi. Đến ngày 23/9/2020 hai bên đã lập giấy hẹn nợ theo đó bà X thừa nhận còn nợ của ông K, bà L số tiền gốc là 850.000.000đ và hẹn đến ngày 30/12/2020 sẽ thanh toán đầy đủ số tiền trên cho ông K bà L. Đây là quan hệ về giao dịch dân sự, tuân thủ đầy đủ quy định về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117, Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 (viết tắt là BLDS) nên Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên có hiệu lực pháp luật. Bà X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, vi phạm quy định về nghĩa vụ trả tiền theo quy đinh tại Điều 280, Điều 466 BLDS. Do quá hạn trả tiền quá lâu nên ông K bà L đã phải khởi kiện để đòi số tiền cho vay là đúng quy định tại Điều 164 BLDS về bảo vệ quyền tài sản. Tại Tòa án, hai bên đã thừa nhận số nợ này nên cần buộc bà Nguyễn Thị X trả nợ cho ông Phạm Công K và bà Phạm Thị L số tiền nợ gốc được hai bên thừa nhận là 850.000.000đ là phù hợp quy định pháp luật theo quy định tại Điều 466 BLDS năm 2015.

Đối với việc bà X ghi tên ông Cao Văn S, lời khai hai bên đều xác định bà X là người trực tiếp vay tiền và viết giấy, bà X khẳng định việc vay mượn là để làm kinh tế riêng của bà, Ông S không biết về việc vay mượn này nên không có căn cứ để buộc Ông S có nghĩa vụ liên đới với bà X trả nợ cho ông K bà L.

* Đối với yêu cầu thanh toán khoản nợ lãi: Ông K, bà L yêu cầu bà X phải thanh toán tiền nợ lãi, quá trình giải quyết ông bà đã xác định về lãi là 24 tháng và yêu cầu nhân theo lãi ngân hàng là 8.500.000đ. Tổng lãi là 204.000.000đ tính đến thời điểm hoà giải là ngày 29/12/2022.

Tại phiên tòa, ông bà chỉ yêu cầu tính đến thời điểm hòa giải ngày 29/12/2022 là 24 tháng, tương đương 204.000.000đ mà không phải tính đến ngày xét xử. Đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp quy định pháp luật nên cần ghi nhận. Trong giấy hẹn nợ không có thỏa thuận về lãi suất nhưng lời khai của nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có tính lãi ngân hàng theo mức 1%/tháng, tương ứng với 8.500.000đ/tháng. Xét về yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất ngân hàng nói trên giữa hai bên là phù hợp với quy định về lãi suất, không vượt quá theo quy định tại Điều 463 và 468 BLDS vì vậy cần buộc bà Nguyễn Thị X phải trả lãi theo thỏa thuận là 8.500.000đ/tháng tương ứng thời gian chậm thanh toán tính đến thời điểm hòa giải là 24 tháng bằng 204.000.000đ.

Bà X thừa nhận toàn bộ các khoản nợ gồm gốc là 850.000.000đ và lãi tính đến 29/12/2022 là 204.000.000đ tuy nhiên bà mong muốn trả hàng tháng 3.000.000đ nên hai bên không thỏa thuận được. Ông K bà Lý đề nghị Tòa án đưa ra xét xử bảo vệ quyền lợi cho ông bà l□ đúngtheo quy định pháp luật.

Như vậy, bà Nguyễn Thị X phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Công K và bà Phạm Thị L tổng số tiền là 1.054.000.000đ (một tỉ không trăm năm mươi bốn triệu đồng) trong đó bao gồm 850.000.000đ nợ gốc và 204.000.000đ nợ lãi.

Đối với yêu cầu tiếp tục chịu lãi trong trường hợp chậm thanh toán: Yêu cầu này của ông K bà L là phù hợp với các quy định pháp luật nên được chấp nhận. Cần thiết buộc bà X còn có nghĩa vụ chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước quy định của số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian còn phải thi hành cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho ông K bà L.

Về án phí: Tổng số tiền bà Nguyễn Thị X phải thanh toán cho ông Phạm Công K và bà Phạm Thị L là 1.054.000.000đồng.Tranh chấp trong vụ án này được áp dụng có giá ngạch. Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, án phí sơ thẩm được áp dụng là có giá ngạch, mức án phí tương ứng là 36.000.000đ + 3% của số tiền vượt quá 800.000.000đ (là 254.000.000đ) là 7.620.000đ. Tổng án phí được xác định là **43.620.000** đồng. bà X phải chịu toàn bộ.

Ông Phạm Công K và bà Phạm Thị L không phải chịu án phí và được hoàn lại số tiền 23.085.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sóc S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26,35, 39, 146, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 117, 280, 463, 466,468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Luật thi hành án dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Công K và bà Phạm Thị L đối với bà Nguyễn Thị X về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Công K và bà Phạm Thị L tổng số tiền nợ gốc và lãitính đến ngày 28/02/2023 là **1.054.000.000** đồng ***(một tỉ không trăm năm mươi bốn triệu đồng)***. Trong đó: Nợ gốc là **850.000.000** đồng, nợ lãi là **204.000.000** đồng.

2.Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước quy định của số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian còn phải thi hành.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X chịu án phí dân sự sơ thẩm là **43.620.000** đồng (bốn mươi ba triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

Ông Phạm Công K và bà Phạm Thị L không phải chịu án phí và được hoàn lại số tiền 23.085.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0005443 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sóc S.

Án xử công khai sơ thẩm, ông Phạm Công K, bà Phạm Thị L và bà Nguyễn Thị X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khắc Hải

Nơi nhận:
- VKSND. huyện Sóc Sơn;
- THADS huyện Sóc Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.